

HỒ SƠ THẨM ĐỊNH GIÁ
XÁC ĐỊNH GIÁ KHỞI ĐIỂM CỔ PHẦN KHI BÁN ĐẦU GIÁ
CỔ PHẦN LẦN ĐẦU
Tại Đoàn Quản lý Đường bộ II
Thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023

Được lập bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
Tầng 11 toà nhà Sông Đà, số 165 Cầu Giấy, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: 024 6267 0491 Fax: 024 6267 0494



MỤC LỤC

Stt	Nội dung	Trang
1	Chứng thư thẩm định giá	2 – 4
2	Báo cáo thẩm định giá	5 – 8

12
CC
CH
MT
VI
/G

Số 031/2025/04/CT-ĐG/VAE

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2025

CHỨNG THƯ THẨM ĐỊNH GIÁ

Kính gửi: Đoàn quản lý Đường bộ II

- Căn cứ Hợp đồng dịch vụ số 2208.01-23/HĐ-ĐG/VAE ngày 22/08/2023 và Phụ lục Hợp đồng dịch vụ tư vấn số 2106.01 ngày 21/06/2024 ký giữa Đoàn quản lý Đường bộ II với Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam V/v xác định giá trị đơn vị sự nghiệp và giá khởi điểm cổ phần khi bán cổ phần lần đầu.
- Căn cứ Quyết định số 2422/QĐ-UBND ngày 13/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc phê duyệt giá trị đơn vị sự nghiệp công lập Đoàn Quản lý Đường bộ II thuộc Sở Giao thông vận tải Hòa Bình thành công ty cổ phần.
- Căn cứ Báo cáo thẩm định giá số 031/2024/04/BC-ĐG/VAE ngày 06/03/2025 của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam;

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam cung cấp Chứng thư thẩm định giá số 031/2025/04/CT-ĐG/VAE ngày 06/03/2025 với các nội dung sau đây:

1. Khách hàng thẩm định giá

- Tên khách hàng: Đoàn quản lý Đường bộ II
- Địa chỉ: Thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.
- Người đại diện: Ông Lê Thành Trung Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách.

2. Thông tin về doanh nghiệp thẩm định giá

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam
- Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà, số 165 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

3. Thông tin về tài sản thẩm định giá:

Giá khởi điểm cổ phần khi bán cổ phần lần đầu.

4. Mục đích thẩm định giá:

Làm một trong các căn cứ xây dựng phương án cổ phần hóa trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Thời điểm thẩm định giá:

Ngày 31/12/2023.

6. Cơ sở giá trị thẩm định giá:

Giá trị thị trường làm cơ sở cho thẩm định giá (*Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về cơ sở giá trị thẩm định giá*).

7. Giả thiết và giả thiết đặc biệt:

Căn cứ vào tài liệu do đơn vị cung cấp, thị trường kinh doanh của doanh nghiệp, mục đích thẩm định giá và quy định của pháp luật, thẩm định viên đưa ra nhận định (*giả thiết*) về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp cần thẩm định giá sau thời điểm thẩm định giá là doanh nghiệp hoạt động liên tục.

8. Cách tiếp cận và phương pháp thẩm định giá:

- *Cách tiếp cận từ chi phí*: Giá trị doanh nghiệp được xác định thông qua giá trị các tài sản của doanh nghiệp. Phương pháp được sử dụng trong cách tiếp cận từ chi phí để xác định giá trị doanh nghiệp là phương pháp tài sản.
- *Cách tiếp cận từ thu nhập – phương pháp chiết khấu dòng cổ tức*: Phương pháp chiết khấu dòng cổ tức xác định giá trị vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp cần thẩm định giá thông qua ước tính tổng của giá trị chiết khấu dòng cổ tức của doanh nghiệp thẩm định giá.

9. Giá trị tài sản thẩm định giá:

Trên cơ sở hồ sơ, tài liệu do Đoàn quản lý Đường bộ II cung cấp; Qua khảo sát, tìm hiểu thông tin thị trường tại thời điểm thẩm định giá; Sử dụng phương pháp thẩm định trong tính toán; Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam thông báo kết quả thẩm định giá như sau:

- Giá khởi điểm cổ phần khi chào bán cổ phần lần đầu của Đoàn quản lý Đường bộ II là: **10.000 đồng/ 1 cổ phần.**

(Chi tiết tại Báo cáo số 031/2025/04/BC-ĐG/VAE ngày 06/03/2025 kèm theo)

10. Những điều khoản loại trừ và hạn chế kết quả thẩm định giá:

- Kết quả thẩm định giá được sử dụng làm một trong các căn cứ xây dựng phương án cổ phần hóa trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Chứng thư thẩm định giá cần được đọc kèm với Báo cáo số 031/2025/04/BC-ĐG/VAE ngày 06/03/2025 do Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam phát hành. Kết quả thẩm định giá bị hạn chế bởi những hạn chế trong Báo cáo số 031/2024/04/BC-ĐG/VAE ngày 06/03/2025.

- Thời hạn có hiệu lực của kết quả thẩm định giá là 06 (sáu) tháng kể từ ngày phát hành của Chứng thư thẩm định giá.
- Chứng thư thẩm định giá được phát hành 08 (tám) bản chính. Cấp cho khách hàng 07 (bảy) bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam lưu 01 (một) bản.

Thẩm định viên về giá



Phan Tuấn Nam
(Thẻ TĐV số X15.1356)

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**
Phó Tổng giám đốc - Giám đốc Định giá



Bùi Trần Việt
(Thẻ TĐV số III06.140)

Số: 031/2025/04/BC-ĐG/VAE

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH GIÁ

(Kèm theo Chứng thư thẩm định giá số 031/2025/04/CT-ĐG/VAE ngày 06/03/2025)

1. Các thông tin về Doanh nghiệp thẩm định giá

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà, số 165 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá số 031/TĐG cấp lần đầu ngày 14/09/2015 của Bộ Tài chính, cấp lại lần 1 ngày 15/10/2024.
- Thông báo số 1271/TB-BTC ngày 31/12/2024 của Bộ Tài chính về việc công bố danh sách thẩm định viên về giá đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá từ ngày 01/01/2025 tại các doanh nghiệp thẩm định giá.
- Thẩm định viên thực hiện thẩm định giá: Ông Phan Tuấn Nam, thẻ thẩm định viên về giá số X15.1356.
- Người được Ủy quyền ký chứng thư thẩm định giá và xem xét, phê duyệt Báo cáo thẩm định giá: Ông Bùi Trần Việt - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc định giá, thẻ thẩm định viên về giá số III06.140.

2. Các thông tin cơ bản về cuộc thẩm định giá

a. Thông tin về khách hàng thẩm định giá

- Tên khách hàng: Đoàn quản lý Đường bộ II
- Địa chỉ: Thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

b. Tài sản thẩm định giá

Giá khởi điểm cổ phần khi bán cổ phần lần đầu.

c. Mục đích thẩm định giá

Làm một trong các căn cứ xây dựng phương án cổ phần hóa trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d. Cơ sở giá trị thẩm định giá:

Giá trị thị trường làm cơ sở cho thẩm định giá (*Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về cơ sở giá trị thẩm định giá*).

e. Thời điểm thẩm định giá

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023.

f. Địa điểm của tài sản thẩm định giá

Thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

g. Thời điểm tiến hành khảo sát tài sản thẩm định giá

Tháng 05 năm 2024

h. Nguồn thông tin sử dụng trong quá trình thẩm định giá

- Hồ sơ tài liệu do Đoàn quản lý Đường bộ II cung cấp.
- Phương tiện thông tin đại chúng (*mạng internet*), phỏng vấn trực tiếp, qua điện thoại đã được xem xét và đánh giá

i. Căn cứ pháp lý để thẩm định giá

- Nghị định số 150/2020/NĐ-CP ngày 25/12/2020 của Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 111/2020/TT-BTC ngày 29/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính, xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập, bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 26/2021/TT-BTC ngày 07/04/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn công tác kế toán khi thực hiện chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;
- Quyết định số 2422/QĐ-UBND ngày 13/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc phê duyệt giá trị đơn vị sự nghiệp công lập Đoàn Quản lý Đường bộ II thuộc Sở Giao thông vận tải Hòa Bình thành công ty cổ phần;
- Báo cáo tình hình tài chính của Đoàn quản lý Đường bộ II theo khuôn mẫu của doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2023;
- Biên bản xác định giá trị đơn vị sự nghiệp để cổ phần hóa Đoàn quản lý Đường bộ II số 2806.07-24/BB-ĐG/VAE ngày 28/06/2024.
- Các Chuẩn mực Thẩm định giá Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.
- Kết quả khảo sát thị trường liên quan đến tài sản thẩm định giá;
- Căn cứ các tài liệu có liên quan khác.

3. Thông tin về tài sản thẩm định giá

Giá trị thực tế đơn vị sự nghiệp, giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập và giá khởi điểm cổ phần khi bán cổ phần lần đầu

4. Giả thiết và giả thiết đặc biệt:

Căn cứ vào tài liệu do đơn vị cung cấp, thị trường kinh doanh của doanh nghiệp, mục đích thẩm định giá và quy định của pháp luật, thẩm định viên đưa ra nhận định (*giả thiết*) về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp cần thẩm định giá sau thời điểm thẩm định giá là doanh nghiệp hoạt động liên tục.

5. Cách tiếp cận, phương pháp thẩm định giá

- Cách tiếp cận từ chi phí: *Giá trị doanh nghiệp được xác định thông qua giá trị các tài sản của doanh nghiệp. Phương pháp được sử dụng trong cách tiếp cận từ chi phí để xác định giá trị doanh nghiệp là phương pháp tài sản.*
- Cách tiếp cận từ thu nhập – phương pháp chiết khấu dòng cổ tức: *Phương pháp chiết khấu dòng cổ tức xác định giá trị vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp cần thẩm định giá thông qua ước tính tổng của giá trị chiết khấu dòng cổ tức của doanh nghiệp thẩm định giá.*

6. Giá trị tài sản thẩm định giá

a. Nguyên tắc xác định giá khởi điểm cổ phần

Giá khởi điểm cổ phần là mức giá ban đầu thấp nhất của một cổ phần được chào bán ra bên ngoài do cơ quan có thẩm quyền quyết định nhưng không thấp hơn mệnh giá một cổ phần (10.000 đồng Việt Nam). Việc xác định giá khởi điểm đảm bảo xác định đầy đủ giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi đã được xác định lại giá trị do cơ quan có thẩm quyền công bố.

Giá khởi điểm cổ phần bằng (=) giá trị thực tế phần vốn nhà nước đã được cơ quan có thẩm quyền công bố chia cho (:) giá trị thực tế phần vốn nhà nước theo Báo cáo tình hình tài chính của đơn vị theo khuôn mẫu của doanh nghiệp nhân với (x) 10.000 đồng Việt Nam

b. Giá trị thực tế phần vốn nhà nước đã được cơ quan có thẩm quyền công bố

Giá trị thực tế phần vốn nhà nước của Đoàn quản lý Đường bộ II đã được phê duyệt tại Quyết định số 2422/QĐ-UBND ngày 13/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc phê duyệt giá trị đơn vị sự nghiệp công lập Đoàn Quản lý Đường bộ II thuộc Sở Giao thông vận tải Hòa Bình thành công ty cổ phần là 2.225.187.675 đồng.

c. Giá trị thực tế phần vốn nhà nước theo Báo cáo tình hình tài chính của đơn vị theo khuôn mẫu của doanh nghiệp

Giá trị thực tế phần vốn nhà nước theo Báo cáo tình hình tài chính của Đoàn quản lý Đường bộ II theo khuôn mẫu của doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2023 là 2.225.187.675 đồng.

d. Giá khởi điểm cổ phần

Giá khởi điểm cổ phần của Đoàn quản lý Đường bộ II bằng:

$$2.225.187.675 \text{ đồng} / 2.225.187.675 \text{ đồng} \times 10.000 \text{ đồng} = 10.000 \text{ đồng/1 cổ phần}$$

7. Thời hạn có hiệu lực của báo cáo thẩm định giá

Thời hạn có hiệu lực của báo cáo thẩm định giá là 06 (sáu) tháng kể từ ngày phát hành Báo cáo thẩm định giá.

8. Những điều khoản loại trừ và hạn chế

- Kết quả thẩm định giá được sử dụng làm một trong các căn cứ xây dựng phương án cổ phần hóa trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Chứng thư thẩm định giá cần được đọc kèm với Báo cáo số 031/2025/04/BC-ĐG/VAE ngày 06/03/2025 do Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam phát hành. Kết quả thẩm định giá bị hạn chế bởi những hạn chế trong Báo cáo số 031/2024/04/BC-ĐG/VAE ngày 06/03/2025.
- Báo cáo kết quả thẩm định giá phát hành 08 (tám) bản chính tại Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 (một) bản, khách hàng thẩm định giá giữ 07 (bảy) bản có giá trị như nhau.

Thẩm định viên về giá



Phan Tuấn Nam
(Thẻ TĐV số X15.1356)

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**
Phó Tổng giám đốc - Giám đốc Định giá



Bùi Trần Việt
(Thẻ TĐV số III06.140)

Số: 2422 /QĐ-UBND

Hoà Bình, ngày 13 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá trị đơn vị sự nghiệp công lập Đoạn Quản lý Đường bộ II thuộc Sở Giao thông vận tải tỉnh Hoà Bình thành công ty cổ phần

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 150/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 26/2021/QĐ-TTg ngày 12 tháng 08 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;

Căn cứ Văn bản số 29/TTg-ĐMDN ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc danh mục chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập chuyển thành công ty cổ phần của tỉnh Hoà Bình;

Căn cứ Thông tư số 111/2020/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính, xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập, bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần; Thông tư số 76/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 111/2020/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính, xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập, bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình về việc phê duyệt Kế hoạch và tiến độ chuyển đổi Đoạn quản lý Đường bộ II thuộc Sở Giao thông Vận tải tỉnh Hoà Bình thành Công ty cổ phần; Quyết định số 980/QĐ-UBND ngày 07 tháng 06 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình về việc điều chỉnh một số nội dung Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình về việc phê duyệt Dự toán chi phí chuyển đổi Đoạn quản lý Đường bộ II thuộc Sở Giao thông Vận tải tỉnh Hoà Bình thành Công ty cổ phần;

Căn cứ Văn bản số 1574/KTNN-TH ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Kiểm toán Nhà nước; Văn bản số 1358/KTNN-TH ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Kiểm toán Nhà nước; Văn bản số 4877/BTC-TCDN ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài chính về hướng dẫn về kiểm toán kết quả định giá và thời hạn công bố giá trị Đơn vị sự nghiệp công lập chuyển thành công ty cổ phần;

Căn cứ kết quả thẩm tra kiểm kê, phân loại tài sản và kết quả xác định giá trị đơn vị chuyển đổi Đoạn Quản lý Đường bộ II thuộc Sở Giao thông vận tải tỉnh Hòa Bình tại Báo cáo thẩm tra số 08/BC-BCĐĐTII ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Ban Chỉ đạo chuyển đổi Đoạn Quản lý Đường bộ II thành công ty cổ phần.

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 3730/SKHĐT-ĐKKD ngày 24 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá trị đơn vị sự nghiệp công lập Đoạn Quản lý Đường bộ II thuộc Sở Giao thông vận tải tỉnh Hòa Bình chuyển thành công ty cổ phần, như sau:

1. Giá trị thực tế đơn vị chuyển đổi tại thời điểm ngày 31/12/2023: 3.880.405.117 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ, tám trăm tám mươi triệu, bốn trăm linh lăm ngàn, một trăm mười bảy đồng), trong đó:

- Nợ thực tế phải trả: 1.456.563.012 đồng.

- Các khoản nhận trước chưa ghi thu: 336.384.698 đồng.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 76.781.742 đồng.

- Quỹ bổ sung thu nhập: 121.872.688 đồng.

- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại đơn vị: 2.225.187.675 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, hai trăm hai lăm triệu, một trăm tám bảy ngàn, sáu trăm bảy mươi lăm đồng).

2. Tài sản không đưa vào giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi: 273.444.000, đồng (Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi ba triệu, bốn trăm bốn mươi bốn ngàn đồng), trong đó:

- Tài sản bàn giao, không cần dùng: 273.444.000 đồng.

- Tài sản chờ quyết định xử lý: 0 đồng.

- Tài sản chờ thanh lý: 0 đồng.

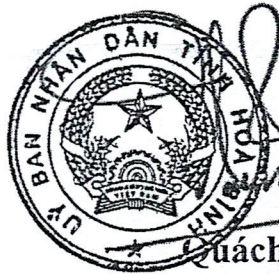
Điều 2. Giao Ban Chỉ đạo chuyển đổi Đoạn Quản lý Đường bộ II thuộc Sở Giao thông Vận tải tỉnh Hòa Bình thành công ty cổ phần hướng dẫn các đơn vị liên quan thực hiện chuyển đổi Đoạn Quản lý Đường bộ II thuộc Sở Giao thông Vận tải tỉnh Hòa bình thành công ty cổ phần theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng Ban Chỉ đạo chuyển đổi Đoạn Quản lý Đường bộ II thuộc Sở Giao thông Vận tải tỉnh Hòa Bình; Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông Vận tải, Lao động - Thương binh và Xã hội, Xây dựng, Nội vụ, Tài nguyên và Môi trường; Liên đoàn lao động tỉnh; Giám đốc Đoạn quản lý Đường bộ II thuộc Sở Giao thông Vận tải và các cơ quan có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên Ban ĐM và PTDN tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, TC, GTVT, LĐTBXH, XD, Nội vụ, TNMT;
- Liên đoàn Lao động tỉnh;
- Đoạn quản lý Đường bộ II;
- Chánh, các Phó CVP/UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTTH(MT)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Quách Tất Liêm

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH HÒA BÌNH

ĐOẠN QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ II

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo khuôn mẫu doanh nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập

Đã được điều chỉnh theo Quyết định số 2422/QĐ-UBND ngày 13/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc phê duyệt giá trị đơn vị sự nghiệp công lập Đoạn Quản lý Đường bộ II thuộc Sở Giao thông vận tải Hòa Bình thành công ty cổ phần

5.
ÔN
H
TH
2
T
C
H
T
/1
/1
/1

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Đoạn Quản lý đường bộ II (sau đây gọi tắt là "Đoạn QLDB II") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Đoạn QLDB II cho giai đoạn xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập đến ngày được phê duyệt giá trị phân vốn nhà nước tại thời điểm 31/12/2023.

ĐOẠN QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ II

Đoạn Quản lý đường bộ II là đơn vị hành chính sự nghiệp tự chủ, có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng, chịu sự quản lý trực tiếp của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Hòa Bình, được thành lập theo Quyết định số 575/QĐ - UB ngày 18/12/1992 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Hòa Bình.

Trụ sở chính: Thị trấn Bo, Huyện Kim Bôi, Tỉnh Hòa Bình

BAN LÃNH ĐẠO

Ông: Lê Thành Trung Phó Giám đốc phụ trách

Ông: Nguyễn Kỳ Công Phó Giám đốc

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Đoạn QLDB II chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, tình hình thu chi hoạt động kinh doanh, tình hình sử dụng và quyết toán kinh phí thường xuyên của Đoạn QLDB II trong năm 2023. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Hành chính sự nghiệp và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Đoạn QLDB II sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Đoạn QLDB II đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Đoạn QLDB II tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính đã được lập tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH HÒA BÌNH
ĐOẠN QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ II

Thị trấn Bo, Huyện Kim Bôi, Tỉnh Hòa Bình,

trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Đoạn QLDB II và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Đoạn QLDB II cam kết rằng Báo cáo tài chính của Đoạn QLDB II phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, tình hình thu chi hoạt động kinh doanh, tình hình sử dụng và quyết toán kinh phí thường xuyên cho năm tài chính 2023, các báo cáo này được lập phù hợp với Chế độ Kế toán Hành chính sự nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 26/2021/TT-BTC ngày 07/04/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn công tác kế toán khi thực hiện chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

Hòa Bình, ngày 15 tháng 02 năm 2025

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC

Phó Giám đốc phụ trách



Lê Thành Trung

SỔ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH HÒA BÌNH
ĐOẠN QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ II

BÁO CÁO

Tình hình tài chính theo khuôn mẫu doanh nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập
Tại thời điểm Xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập
Tại thời điểm 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm	Ghi chú
Tài sản			
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100	1.694.856.957	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền (mã 110 = 111+112)	110	1.020.877.215	
1. Tiền	111	1.020.877.215	V.01
2. Các khoản tương đương tiền	112		
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (mã 120 = 121 +123)	120		V.02
1. Chứng khoán kinh doanh	121		
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn (mã 130 = 131+132 +136+139)	130	627.460.611	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	349.098.926	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	278.361.685	V.03
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		
IV. Hàng tồn kho (mã số 140 = mã số 141)	140	46.519.131	
1. Hàng tồn kho	141	46.519.131	V.04
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		V.05
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		
B. Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200	1.912.104.160	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		V.06
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		
6. Phải thu dài hạn khác	216		V.07
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		
II. Tài sản cố định	220	1.912.104.160	

SỔ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH HÒA BÌNH
ĐOẠN QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ II

1. TSCĐ hữu hình	221	1.912.104.160	V.08
- Nguyên giá	222	1.912.104.160	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		
2. TSCĐ phải bàn giao			
- Nguyên giá			
- Giá trị hao mòn lũy kế			
3. TSCĐ vô hình	227		V.10
- Nguyên giá	228		
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		
III. Bất động sản đầu tư	230		V.11
- Nguyên giá	231		
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		V.12
- Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		
- Chi phí XDCB dở dang	242		
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		
1. Đầu tư vào công ty con	251		
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		V.13
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		
VI. Tài sản dài hạn khác	260		
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		V.14
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		V.21
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		
4. Tài sản dài hạn khác	268		
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	270	3.606.961.117	

Các chỉ tiêu ngoài bảng

			<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
1 Tài sản nhận giữ hộ	002	8	27.025.893.000	27.025.893.000
2 Tài sản phải bàn giao	002		273.444.000	

Hòa Bình, ngày 15 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Trưởng phòng Kế toán

Phó Giám đốc phụ trách



Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Bùi Thị Yên

Lê Thành Trung

BÁO CÁO

Tình hình tài chính theo khuôn mẫu doanh nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập
Tại thời điểm Xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập
Tại thời điểm 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm	Ghi chú
A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)	300	1.519.503.710	
I. Nợ ngắn hạn	310	1.519.503.710	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	1.058.227.687	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	62.940.698	
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		V.16
4. Phải trả người lao động	314		
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		V.17
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	398.335.325	V.18
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		
13. Quỹ bình ổn giá	323		
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		
II. Nợ dài hạn	330		
1. Phải trả người bán dài hạn	331		
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		
5. Phải trả dài hạn nội bộ	335		V.19
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		
7. Phải trả dài hạn khác	337		
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		V.20
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		V.21
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		
B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)	400	2.087.457.407	V.22
I. Vốn chủ sở hữu	410	2.087.457.407	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		
- Cổ phiếu ưu đãi	411B		
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		
3. Quyền chọn chuyển đổi cổ phiếu	413		
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		
5. Cổ phiếu quỹ	415		
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	1.849.165.218	
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH HÒA BÌNH
ĐOẠN QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ II

9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu doanh nghiệp	420	238.292.189	
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	41E		
- LNST chưa phân phối kỳ này	41F		
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		
1. Nguồn kinh phí	431		V.23
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440	3.606.961.117	

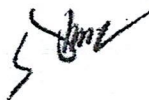
Hòa Bình, ngày 15 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

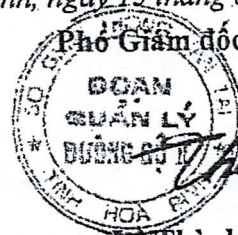


Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Trưởng phòng Kế toán



Bùi Thị Yên



Phó Giám đốc phụ trách

Lê Thành Trung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

I. TỔNG QUÁT CHUNG

Đoạn Quản lý đường bộ II là đơn vị hành chính sự nghiệp tự chủ, có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng, chịu sự quản lý trực tiếp của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Hòa Bình, được thành lập theo Quyết định số 575/QĐ - UB ngày 18/12/1992 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Hòa Bình.

Trụ sở chính: Thị trấn Bo, Huyện Kim Bôi, Tỉnh Hòa Bình

II. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Đơn vị áp dụng chế độ kế toán Việt Nam cho đơn vị hành chính sự nghiệp ban hành theo Quyết định số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp được chuyển đổi theo Thông tư số 26/2021/TT-BTC ngày 07/04/2021.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ trên máy vi tính

3. Niên độ kế toán

Kỳ kế toán của đơn vị bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.

4. Đồng tiền hạch toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam ("VND").

III. NHIỆM VỤ THỰC HIỆN

Quản lý sửa chữa thường xuyên cầu đường bộ

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Tiền

Tiền Mặt
Gửi Ngân Hàng
Cộng

Số cuối năm

VND

1.437.446

1.019.439.769

1.020.877.215

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH HÒA BÌNH
ĐOẠN QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ II

2. Phải thu khách hàng

Sở GTVT Hòa Bình
Công ty CP Xây dựng giao thông Hòa Bình
Các khách hàng khác

Số cuối năm	
VND	VND.
229.942.000	
104.125.000	
15.031.926	
349.098.926	

3. Hàng tồn kho

Nguyên liệu, vật liệu
Công cụ, dụng cụ
Chi phí sản xuất, kinh doanh, dịch vụ
Thành phẩm
Cộng

Số cuối năm	
VND	
42.973.738	
900.549	
-	
2.644.844	
46.519.131	

4. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc, Thiết bị	Phương tiện vận tải Truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ Quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 31/12/2023	3.994.841.000	1.688.332.000	1.113.256.000	508.523.000	229.081.000	
Điều chỉnh XĐGTDN	5.201.357.485 -	779.780.000 -	-	377.586.000	- -	
Sau Khi XĐGTDN	1.608.961.360	155.956.000		84.247.858		1.849.165.218
Giá trị hao mòn lũy kế						
Từ ngày 31/12/2023	3.557.798.058	1.688.332.000	1.113.256.000	501.391.000	229.081.000	
Điều chỉnh sau khi XĐGTDN	1.668.336.360	155.956.000 -	-	87.811.800	-	
	3.662.024.058	1.688.332.000	1.113.256.000	504.957.000		
Sau khi XĐGTDN						
Giá Trị Còn Lại	1.608.961.360	155.956.000 -	-	84.247.858	-	1.849.165.218
Sau khi XĐGTDN		-	-		-	

5. Phải trả nhà cung cấp

	Số cuối năm
	VND
Công ty TNHH MTV Hoàng Phương KB	18.242.563
Xí nghiệp	-
Công ty TNHH Thương mại XNK Quang Thành	91.575.000
DNTN xí nghiệp VLXD Thanh Hồng	299.538.000
Công ty TNHH MTV Phát Đạt	561.657.400
Khách hàng khác	87.214.724
	<u>1.058.227.687</u>

6. Nợ phải trả khác

	Số cuối năm
	VND
Phải trả Công chức, viên chức	233.465.162
Các khoản phải trả theo lương	8.635.680
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	156.234.483
	<u>398.335.325</u>

7. Tài sản nhận giữ hộ

	Số cuối năm
	VND
Tài sản nhận giữ hộ	27.025.893.000
	<u>27.025.893.000</u>

Giá trị tài sản nhận giữ hộ bao gồm toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất của 27 khu đất giao cho Đoạn QLDB II sử dụng làm nhà cung, hạt giao thông tại các huyện Kim Bôi, Lương Sơn và Lạc Thủy được thu hồi và bàn giao cho Sở Giao thông vận tải quản lý theo Công văn số 69/UBND-NNTN ngày 26/1/2016 của UBND tỉnh Hòa Bình.

	Số cuối năm
	VND
Tài sản chờ bàn giao	273.444.000
	<u>273.444.000</u>

Giá trị tài sản chờ bàn giao bao gồm tài sản cố định hữu hình là: Nhà, vật kiến trúc tại các cung hạt; Tài sản cố định không cần dùng chờ thanh lý là Máy móc thiết bị; Phương tiện vận tải và Dụng cụ quản lý, Đơn vị không có nhu cầu sử dụng sau cổ phần hóa

8. Doanh thu

	Năm nay	
	VND	
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.594.058.131	
Doanh thu theo đơn đặt hàng của Nhà nước	6.447.647.946	
Doanh thu hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ	2.146.410.185	
Doanh thu khác	-	
	8.594.058.131	
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	
Doanh thu thuần	8.594.058.131	

9. Chi phí

	Năm nay	
	VND	
Chi phí kinh doanh	8.486.672.025	
Chi phí kinh doanh theo đơn đặt hàng của Nhà nước	6.444.763.115	
Chi phí kinh doanh hoạt động sản xuất, cung ứng Dịch vụ Cộng	2.041.908.910	
	8.486.672.025	

10. Tình hình thực hiện nộp Ngân sách

STT	CHỈ TIÊU	Số phải nộp năm trước chuyển sang	Số phải nộp năm nay	Số đã nộp năm nay	Số còn phải nộp năm nay
I	Nộp ngân sách	332.149.201	802.156.129	978.070.847	156.234.483
	- Thuế môn bài	-	-	-	-
	- Thuế GTGT	314.113.703	779.553.869	959.035.349	134.632.223
	- Thuế TNDN	18.035.498	21.602.260	18.035.498	21.602.260
	- Thuế TNCN	-	-	-	-
	- Thuế khác	-	1.000.000	1.000.000	-
II	Nộp cấp trên	-	-	-	-
	Cộng	332.149.201	802.156.129	978.070.847	156.234.483

Số liệu đầu năm là số liệu trên Báo cáo tài chính được điều chỉnh theo Quyết định số 2422/QĐ-UBND ngày 13/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc phê duyệt giá trị đơn vị sự nghiệp công lập Đoạn Quản lý Đường bộ II thuộc Sở Giao thông vận tải Hòa Bình thành công ty cổ phần.

CHỨNG THỰC

BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Người lập biểu

Trưởng phòng Kế toán

Ngày: 07-07-2025

Hòa Bình, ngày 15 tháng 02 năm 2025

Phó Giám đốc phụ trách

Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Bùi Thị Yên

Lê Thành Trung

CÔNG CHỨNG VIÊN

Bùi Văn Chức